

Bản án số: 325/2021/HS-PT
Ngày: 28/10/2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Nguyễn.

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Tuấn Anh.
2. Ông Trương Công Huân.

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Minh Phước – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 303/2021/HSPT ngày 13/7/2021 đối với bị cáo Lê Đình Kim T do có kháng cáo của bị cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp đối với bản án hình sự sơ thẩm số 87/2021/HS-ST ngày 25/5/2021 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

Bị cáo:

Lê Đình Kim T, sinh năm: 1989 tại Bình Phước; nơi thường trú: số 74/3 QT, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: giúp việc nhà; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đình H và bà Nguyễn Thị T; có chồng Phan Ngọc Q và 02 con sinh năm 2015 và năm 2018; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại. (có mặt).

Bị hại: Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1970; trú tại: số 340/2/13 Q.T, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 05/5/2020, Lê Đình Kim T cùng bà Nguyễn Thị Thanh H đến Văn phòng Công chứng Dương Thị Cẩm Thủy, địa chỉ: 298 Quang Trung, phường

10, quận Gò Vấp để công chứng hợp đồng vay tiền thế chấp tài sản. Qua kiểm tra hồ sơ, Công chứng viên nghi vấn Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở và sổ hộ khẩu có dấu hiệu làm giả nên đã trình báo Công an Phường 10, quận Gò Vấp mời T và bà H về trụ sở làm việc.

Tại Cơ quan điều tra, T khai nhận: khoảng đầu tháng 3/2020, T có việc cần tiền nên đã cầm cố giấy tờ nhà tại địa chỉ 74/3 Quang Trung, phường 10, quận Gò Vấp do bà Nguyễn Thị Toàn (là mẹ ruột của T) đứng tên chủ sở hữu cùng với sổ hộ khẩu và căn cước công dân của T cho 01 người quen tên Ngọc ở gần nhà với số tiền 50.000.000 đồng. Đến ngày 24/3/2020, do lo sợ chồng phát hiện sự việc cầm cố giấy tờ nhà và sổ hộ khẩu nên T đã lên mạng xã hội Facebook tìm người làm giấy tờ giả. T thấy tài khoản tên “Anh Ba” nhận làm giấy tờ giả nên đặt làm giả giấy tờ nhà và sổ hộ khẩu với giá 9.000.000 đồng. Sau đó, T dùng tài khoản Viettel pay số tài khoản 0918839099 chuyển số tiền 2.000.000 đồng vào tài khoản Trinh Trung Doan số tài khoản 06015612067 để tạm ứng, khi nào nhận được giấy tờ giả sẽ thanh toán đủ. Ngày 27/3/2020 có 01 thanh niên (không rõ lai lịch) đến nhà T giao giấy tờ giả và T thanh toán số tiền còn lại là 7.000.000 đồng cho người này.

Đến ngày 04/5/2020, T cần tiền sửa nhà nên có hỏi vay bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền 250.000.000 đồng. Bà H đồng ý cho vay tiền và yêu cầu T thế chấp giấy tờ nhà. T đồng ý và giao giấy tờ giả là Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở và sổ hộ khẩu cho H giữ. Ngày 05/5/2020, H đem theo giấy tờ nhà và sổ hộ khẩu cùng hợp đồng vay tiền đến Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Cẩm Thủy để làm hợp đồng thế chấp tài sản, rồi gọi cho T đến ký hợp đồng vay tiền thì bị phát hiện như đã nêu trên. T khai nhận mục đích đưa giấy tờ giả cho H là để H tin tưởng cho T vay số tiền 250.000.000 đồng và T không biết việc H sẽ làm hợp đồng vay thế chấp tại Văn phòng công chứng.

Tại Bản kết luận giám định số 1011/KLGD-TT ngày 22/6/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hồ Chí Minh kết luận: 01 sổ hộ khẩu số 31090097912, mang tên chủ hộ Lê Đình Kim T, đề ngày cấp 06/12/2011: là sổ hộ khẩu giả; 01 giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở mang tên bà Nguyễn Thị Huân đề ngày cấp 15/11/2001: là giấy chứng nhận giả.

Tại bản cáo trạng số 59/CTr-VKS, ngày 15/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp đã truy tố Lê Đình Kim T về tội “Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm c khoản 2 Điều 341 và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lê Đình Kim T về tội danh như bản cáo trạng số 59/CTr-VKS, ngày 15/3/2021.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 87/2021/HS-ST ngày 25/5/2021 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Đình Kim T phạm tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; Điều 15; điểm s,h khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 57; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi 2017; Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Xử phạt Lê Đình Kim T 03 (ba) năm tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức”; 05 (năm) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt cho cả 02 tội danh buộc bị cáo chấp hành hình phạt là 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 08/6/2021, bị cáo Lê Đình Kim T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: bản án sơ thẩm tuyên không đúng bản chất vụ việc, áp dụng không đúng tội danh và vi phạm nghiêm trọng tố tụng hình sự.

Ngày 07/6/2021, Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 04/QĐ-VKS kháng nghị một phần bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sửa bản án, tuyên xử bị cáo Lê Đình Kim T phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Đình Kim T không trình bày được nội dung và lý do kháng cáo đã ghi trong đơn kháng cáo, do đơn kháng cáo bị cáo lấy mẫu ở trên mạng internet để soạn rồi nộp cho Tòa. Bị cáo thừa nhận đã thực hiện các hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu và cho rằng bị cáo chưa lấy được tài sản của bà H nên không phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng:

- Về hình thức: sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo Lê Đình Kim T có đơn kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

- Về nội dung kháng cáo và kháng nghị:

Đối với kháng cáo của bị cáo Lê Đình Kim T: bị cáo không trình bày được có sự vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, cũng như các lập luận để chứng minh mình không phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên kháng cáo của bị cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo, bị hại, vật chứng thu giữ, bản kết luận giám định... có đủ cơ sở xác định: bị cáo T đã đặt mua của một người trên mạng Facebook có tên là “Anh Ba” làm giả 01 sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Lê Đình Kim T; 01 giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở,

quyền sử dụng đất ở mang tên bà Nguyễn Thị Huân đề ngày cấp 15/11/2001. Sau đó, bị cáo đã sử dụng các giấy tờ giả này đưa cho bà Nguyễn Thị Thanh H để bà H tin tưởng nhằm chiếm đoạt số tiền 250.000.000 đồng của bà H.

Bản án sơ thẩm đã áp dụng đúng các căn cứ pháp luật để xử phạt bị cáo Lê Đình Kim T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017 là đúng quy định. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức” thuộc trường hợp sử dụng các giấy tờ giả thực hiện hành vi phạm tội rất nghiêm trọng theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự là không phù hợp. Bởi lẽ: bị cáo T cung cấp thông tin cá nhân, lai lịch và nhờ một đối tượng “Anh Ba” không rõ lai lịch làm giả 01 sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Lê Đình Kim T; 01 giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở mang tên bà Nguyễn Thị Huân đề ngày cấp 15/11/2001 với giá 9.000.000 đồng. Hành vi này của bị cáo là hành vi giúp sức trong việc làm giả các giấy tờ trên nên có dấu hiệu phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Đình Kim T, chấp nhận kháng nghị phúc thẩm số 04/QĐ-VKS ngày 07/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, sửa một phần bản án sơ thẩm, tuyên bị cáo Lê Đình Kim T phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Bị cáo Lê Đình Kim T không tranh luận, chỉ nói lời sau cùng xin được hưởng giảm nhẹ hình phạt để có điều kiện ở ngoài nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Gò Vấp, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thẩm phán trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, bị cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 04/QĐ-VKS ngày 07/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, bị cáo Lê Đình Kim T giữ nguyên nội dung kháng cáo.

[3] Tuy cho rằng bản án sơ thẩm không tuyên đúng bản chất vụ việc, áp dụng tội danh không đúng nhưng bị cáo Lê Đình Kim T đã thừa nhận các diễn biến, hành vi do bị cáo gây ra như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Cụ thể: mặc dù đã đem cầm cố giấy tờ nhà, sổ hộ khẩu và căn cước công dân cho người tên Ngọc với số tiền 50.000.000 đồng từ tháng 3/2020. Do lo sợ bị phát hiện, bị cáo đã đặt mua của đối tượng có tài khoản mạng xã hội Facebook mang tên “Anh Ba”: 01 sổ hộ khẩu số 31090097912, mang tên chủ hộ Lê Đình Kim T, đề ngày cấp 06/12/2011 và 01 giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở mang tên bà Nguyễn Thị Huân đề ngày cấp 15/11/2001. Đến ngày 04/5/2020, T hỏi vay bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền 250.000.000 đồng, đề bà H tin tưởng cho vay tiền bị cáo đã giao giấy tờ giả là Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở và sổ hộ khẩu cho bà H và đồng ý thế chấp các giấy tờ này để được vay tiền. Ngày 05/5/2020, bà H đem theo giấy tờ nhà và sổ hộ khẩu cùng hợp đồng vay tiền đến Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Cẩm Thủy để làm hợp đồng thế chấp tài sản và gọi cho T đến ký hợp đồng vay tiền thì bị phát hiện.

Quá trình điều tra không chứng minh được bị cáo T trực tiếp làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức mà chỉ có lời khai của bị cáo khai: đã cung cấp thông tin cá nhân và đặt mua của đối tượng không rõ lai lịch có tài khoản tên “Anh Ba” các tài liệu giả như trên. Hành vi của bị cáo có dấu hiệu đồng phạm với người đã làm giả tài liệu. Tại khoản 2 Điều 98 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định: *“Lời nhận tội của bị can, bị cáo chỉ có thể được coi là chứng cứ nếu phù hợp với những chứng cứ khác của vụ án. Không được dùng lời nhận tội của bị can, bị cáo làm chứng cứ duy nhất để buộc tội, kết tội”*. Do không bắt giữ được người đã trực tiếp làm giả các tài liệu, chỉ có lời khai của bị cáo, không xác định được cách thức làm giả tài liệu, ngoài lời khai của bị cáo không có chứng cứ nào khác để chứng minh nên chưa có cơ sở để xác định bị cáo Lê Đình Kim T đã phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”.

Sau khi có được các tài liệu giả, bị cáo mới sử dụng những tài liệu này làm bà Nguyễn Thị Thanh H tin tưởng để nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản là số tiền 250.000.000 đồng của bà H.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ, bản kết luận giám định và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Lê Đình Kim T về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức” thuộc trường hợp sử dụng tài liệu giả để thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng theo điểm b khoản 3 Điều 341 và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Lập luận trên là căn cứ để không chấp nhận nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp đề nghị sửa bản án sơ thẩm tuyên bị cáo T phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Cũng là căn cứ để không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Đình Kim T, đề nghị hủy bản án sơ thẩm bản án

sơ thẩm với lý do bản án sơ thẩm không tuyên đúng bản chất vụ việc, áp dụng tội danh không đúng và vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn đang phải nuôi con nhỏ; bị cáo chưa chiếm đoạt được tài sản (tiền) của bị hại, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại và thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt nên áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15 và Điều 57 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Từ đó, xử phạt bị cáo mức án 03 (ba) năm tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức”; 05 (năm) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tổng hợp hình phạt của hai tội là 08 (tám) năm tù là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Đình Kim T, không chấp nhận kháng nghị phúc thẩm số 04/QĐ-VKS ngày 07/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do không chấp nhận kháng cáo nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các vấn đề khác không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Đình Kim T, không chấp nhận kháng nghị phúc thẩm số 04/QĐ-VKS ngày 07/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 87/2021/HS-ST ngày 25/5/2021 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên bố bị cáo Lê Đình Kim T phạm tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; Điều 15; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 55; Điều 57; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Xử phạt Lê Đình Kim T 03 (ba) năm tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức”; 05 (năm) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc bị cáo Lê Đình Kim T phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- | | |
|----------------------------|----------|
| - TAND TC; | (1) |
| - TAND Cấp cao tại TP.HCM; | (1) |
| - VKSND TP. HCM; | (3) |
| - VKSND quận Gò Vấp; | (1) |
| - CC THA quận Gò Vấp; | (1) |
| - Bị cáo; | (1) |
| - TAND quận Gò Vấp; | (2) |
| - Công an quận Gò Vấp; | (1) |
| - Phòng PC 53-CA TP.HCM; | (1) |
| - UBND nơi bị cáo cư trú; | (1) |
| - Sở tư pháp; | (1) |
| - Đường sự; | (1) |
| - Lưu, hình sự, hồ sơ | (20) (4) |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Nguyễn